

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ NGHỊ CẤP, MUA VẬT TƯ
(Tuần 19 - 2026)**

TT	TÊN VẬT TƯ HÀNG HÓA	QUY CÁCH	ĐVT	DUYỆT MUA	NGÀY CÀN HÀNG	TT	TÊN VẬT TƯ HÀNG HÓA	QUY CÁCH	ĐVT	DUYỆT MUA	NGÀY CÀN HÀNG
1	Lưới dưới máy ép bùn	Chiều rộng: 2.0m; Chiều dài: 15.2m, đường kính sợi dọc: 0.5mm; đường kính sợi ngang: 0.8mm, chiều dày lưới ép: 2mm±0.2mm	Cái	1	10/06/26	40	Kiểm tra, sửa chữa cân điện tử MS204		Cái	1	15/05/26
2	Lưới trên máy ép bùn	chiều rộng lưới ép: 2.0m, chiều dài lưới ép: 11.8m, đường kính sợi dọc: 0.5mm, đường kính sợi ngang: 0.8mm, độ dày của lưới ép: 2mm±0.2mm	Cái	1	10/06/26	41	Tụ điện	14μF 400V	Cái	5	25/05/26
3	Bộ bánh răng quá tải hộp số xúc lật SDLG L956F	Mã số: 2905001947	Bộ	1	20/05/26	42	Contactơ 3 pha	TAE50-40 , 50A, 17-32VDC	Cái	4	25/08/26
4	Trục ra hộp số xúc lật SDLG L956FH	Mã số: 29050020181	Cái	1	20/05/26	43	Bảng điều khiển nạp biến tần	ACHM-01C	cái	6	25/08/26
5	Đĩa thép tron hộp số xúc lật SDLG L956F	Mã số: 3030900140	Cái	10	20/05/26	44	Biến dòng	LF1005-S/SP16	cái	9	25/08/26
6	Đĩa ma sát hộp số xúc lật SDLG L956F	Mã số: 2030900028	Cái	10	20/05/26	45	Vòng bi	6316; vòng cách đồng; khe hở C3; cách điện VL0241	Vòng	3	25/07/26
7	Đĩa thép số 2 xúc lật SDLG L956F	Mã số: 3030900106	Cái	1	20/05/26	46	Tay điều khiển cầu trục	6 nút bấm, 2 cấp tốc độ	Cái	2	15/06/26
8	Đĩa ma sát số 2 xúc lật SDLG L956F	Mã số: 29050022531	Cái	2	20/05/26	47	Rơ le số EOCR FMZ2-WRCUW, 0.5-60A	EOCR FMZ2-WRCUW, 0.5- 60A,	Cái	5	15/06/26
9	Bơm bánh răng hộp số xúc lật SDLG L956FH	Mã số: 4120005410	Cái	1	20/05/26	48	Lọc bình keo	Part no. 1028305,kèm O-ring 945039	Cái	2	20/07/26

TT	TÊN VẬT TƯ HÀNG HÓA	QUY CÁCH	ĐVT	DUYỆT MUA	NGÀY CÀN HÀNG
10	Bộ gioăng phốt hộp số xúc lật SDLG L956F		Bộ	1	20/05/26
11	Cao su chân hộp số xúc lật SDLG L956F	Mã số: 4120001527	Cái	2	20/05/26
12	Vòng bi	7312; tiếp xúc góc 40°, khe hở tiêu chuẩn	Vòng	4	20/05/26
13	Vòng bi	6311; nắp chặn tiếp xúc 2 bên; khe hở tiêu chuẩn	Vòng	2	20/05/26
14	Van màng uPVC/EPDM	DN50, nổi bích	Cái	2	22/07/26
15	Van bướm tay gạt PVC	DN100 PN10	Cái	2	22/07/26
16	Van bướm vô lăng	DN125; PN10; Vật liệu: inox 304 (CF8), nổi dạng wafer	Cái	2	22/07/26
17	Van bướm vô lăng	DN150 PN10; Vật liệu: inox 304 (CF8), nổi dạng wafer	Cái	2	22/07/26
18	Van bướm	DN200 PN16 (WCB)	Cái	1	22/07/26
19	Van cửa	Z45X-10Q-DN300	Cái	1	22/07/26
20	Van bi PVC/EPDM	DN25, đầu nổi rắc co chuẩn DIN/GB	Cái	5	22/07/26
21	Phốt chèn cơ khí	MG912/40-G60-Q1Q1VGG	Bộ	2	22/07/26
22	Khóa cáp mạ kẽm	D20	Cái	30	22/07/26
23	Bu lông thép đen	M10x35; cấp bền 8.8	Cái	600	22/07/26
24	Phanh trục	SGA D19	Cái	300	22/07/26
25	ống thép inox	DN25(Ø33,4)x2,769x6000mm; VL: SUS 304	mét	48	22/07/26
26	Thép hộp	kích thước: (30x30x1,2x6000)mm; Vật liệu: SUS304	Mét	240	22/07/26

TT	TÊN VẬT TƯ HÀNG HÓA	QUY CÁCH	ĐVT	DUYỆT MUA	NGÀY CÀN HÀNG
49	Vòng bi	6205; nắp chặn tiếp xúc 2 bên; khe hở tiêu chuẩn	Vòng	100	22/07/26
50	Vòng bi	6311; nắp chặn tiếp xúc 2 bên; khe hở tiêu chuẩn	Vòng	2	22/07/26
51	Vòng bi	NU311; khe hở tiêu chuẩn	Vòng	2	22/07/26
52	Vòng bi	NJ 214 ECP	Vòng	2	22/07/26
53	Màng bơm	P21-4109	Cái	4	22/07/26
54	Van 1 chiều	DN125, JIS 10K, VL: WCB (SHB 10K-125, PH2)	Cái	1	22/07/26
55	Van 1 chiều	DN300, PN10 2 cánh lật, Vật liệu: inox 304, kiểu nổi Wafer	Cái	1	22/07/26
56	Van bi tay gạt inox	DN15, PN16, nổi ren 1/2", 304	cái	5	22/07/26
57	Van bi tay gạt	DN20, PN16, inox 304, nổi ren 3/4"	Cái	6	22/07/26
58	Van bi tay gạt	DN25, PN16, inox 304, nổi ren 1"	Cái	5	22/07/26
59	Van bi tay gạt	DN32, PN16, inox 304, nổi ren 1 1/4"	Cái	4	22/07/26
60	Van bi tay gạt	DN50, PN25, inox 304, nổi ren 2"	Cái	7	22/07/26
61	Van bi PVC/EPDM	DN20, đầu nổi rắc co chuẩn DIN/GB	Cái	5	22/07/26
62	Phanh trục	SGA D24	Cái	300	22/07/26
63	Vít bắn tôn	Đường kính: D = 5,5mm, Chiều dài: L = 50mm, Mũ lục giác 8, inox 410	Cái	3,200	22/07/26
64	Ống thép inox	DN15x2.11x6000mm, VL: SUS304	M	60	22/07/26
65	Ống thép inox	DN20 (D26,67)x2,1x6000; VL: SUS304	Mét	60	22/07/26

TT	TÊN VẬT TƯ HÀNG HÓA	QUY CÁCH	ĐVT	DUYỆT MUA	NGÀY CÀN HÀNG
27	Thép hộp mạ kẽm	KT: (80x40x1.8x6000)mm	Mét	816	22/07/26
28	Tôn lợp mái	1080x7600x0.4mm; 5 sóng màu ghi sừa	Tấm	96	22/07/26
29	Kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng buồng nén máy nén khí		Cái	1	25/06/26
30	Cửa thăm lò thu hồi	Kích thước D480; Vật liệu; Gang chịu nhiệt	Bộ	8	30/10/26
31	Hộp giảm tốc quạt tháp làm mát	Model: BLJ2, 18,5kw; 210rpm	Cái	1	30/07/26
32	Nắp bơm	Type pump: D32-100, Q=28l/s, H=32m, n=1470 rpm, Serial No: 100059180	Cái	2	30/09/26
33	Đĩa mài mòn	Type: APP23-50	cái	1	30/09/26
34	Màng khớp nối	DJ4-112	Cái	10	30/08/26
35	Bẫy hơi	CS41H-25C-DN32, WCB	Cái	10	30/10/26
36	Phốt chắn dầu có lò xo	30x45x7	Cái	4	30/07/26
37	Vòng bi	6206; nắp chặn tiếp xúc 2 bên; khe hở tiêu chuẩn	Vòng	8	30/06/26
38	Vòng bi	7312; tiếp xúc góc 40°, khe hở tiêu chuẩn	Vòng	8	30/06/26
39	Bu lông mạ kẽm	M10x20; cấp bền 8.8	Cái	1,000	30/06/26

TT	TÊN VẬT TƯ HÀNG HÓA	QUY CÁCH	ĐVT	DUYỆT MUA	NGÀY CÀN HÀNG
66	Tôn úp sườn mái	KT: 20x100x100x20x85x30; dày 0.45mm; mạ màu ghi ; độ mạ AZ120	m	24	22/07/26
67	Bơm nhúng chìm	Model: FC300/80T. P= 2,2kw. Q= 48m3/h. H= 15,5m, đầu xả DN 50mm. Vật liệu: thân - buồng - cánh bơm INOX 304. Phốt carbon-ceramic chịu áp cao. Điện áp 3 pha 380v/50hz. Tiêu chuẩn: cách điện F bảo vệ IP68.	Cái	1	22/07/26
68	Bơm nhúng chìm	MODEL: BEST ONE MA; 0,25 KW/1P 220V; 1.2-10.2 m3/h; 8.3 -1.8 mH2O; inox 304	Cái	1	22/07/26
69	Que hàn thép đen	D3.2	Kg	60	15/06/26
70	Que hàn inox	D3.2	Kg	45	15/06/26
71	Que hàn gang	KSN-100; D3.2mm	Kg	10	15/06/26
72	Que hàn chịu lực	KST-309L; D2.6mm; KISWELL	Kg	20	15/06/26
73	Que hàn chịu lực	KST-309Mo; D3.2mm; Kiswel	Kg	30	15/06/26
74	Que hàn chịu lực	K-7018; D2.6mm; KISWELL	Kg	20	15/06/26
75	Que hàn tig	inox 316L; D2.4mm	Kg	10	15/06/26
76	Đá cắt	D100x1.2x16mm	Viên	300	15/06/26
77	Đá cắt	D180x2.0x22.2mm	Viên	150	15/06/26
78	Đá ráp xếp	D100	viên	70	15/06/26